| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ DĨ AN**<br>TỈNH BÌNH DƯƠNG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 31/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 13-3-2023
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Viết Nam.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1) Ông Nguyễn Văn Hoàn

2) Bà Trần Thị Ngọc.

***- Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Tố Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa****:* Ông Nguyễn Ngọc Vương – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 569/2022/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2023/QĐST - HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị Thanh N, sinh năm 1994; thường trú: Số 9/113 khu phố Đ 3, phường H, thành phố A, tỉnh D. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lại Vũ Thành L, sinh năm 1994; thường trú: Số 140, xóm 2, thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Đ; tạm trú: Số 285 đường N, phu phố M2, phường A, thành phố A, tỉnh D; Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Vũ Thị Thanh N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2020, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đ theo giấy chứng nhận kết hôn số 17/2020 cấp ngày 28/04/2020.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng

quan điểm sống, tính tình không phù hợp nên thường xuyên cãi vã, không quan tâm đến nhau. Vợ chồng đã nhiều lần cố gắng hòa giải hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân và không còn quan tâm, chăm sóc nhau, mạnh ai nấy sống. Chị N nhận thấy không còn tình cảm với anh L, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với anh L.

Về con chung: Trong quá trình sinh sống, chị và anh L không có con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn anh Lại Vũ Thành L:* Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng yêu cầu bị đơn có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 01/02/2023 nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, do vậy vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng yêu cầu bị đơn tham gia phiên tòa vào các ngày 22/02/2023 và 13/3/2023 nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập.

*Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng dân sự: Anh L được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, chị N có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt chị N, anh L theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị N và anh L tự nguyện tìm hiểu rồi tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đ theo giấy chứng nhận kết hôn số 17/2020, ngày 28/4/2020, do đó quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh L là hợp pháp.

Quá trình tố tụng chị N xác định cuộc sống hôn nhân của vợ chồng chị không hạnh phúc, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có

tiếng nói chung. Anh L được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt, coi như từ bỏ quyền trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị N. Xét thấy, mâu thuẫn của vợ chồng chị N và anh L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị N được ly hôn với anh L.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp.

[4] Về án phí: Chị Vũ Thị Thanh N phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Vũ Thị Thanh N đối với bị đơn anh Lại Vũ Thành L về việc tranh chấp ly hôn.

- Về hôn nhân: Chị Vũ Thị Thanh N được ly hôn với anh Lại Vũ Thành L (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 17/2020, ngày 28/04/2020 do Uỷ ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đ cấp).

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số số 0000859 ngày 18/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- UBND xã Bình Thạnh, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Viết Nam**